

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST  
Ngày: 18/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Khắc Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Bé
2. Ông Trần Văn Thành

*Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*  
Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn T, giới tính: Nam; Sinh năm: 1995, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp D, xã Tân H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Trần Văn L, sinh năm 1968; Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1994; Có 01 con, sinh năm 2018; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 18/4/2020; Tạm giam ngày 27/4/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Vương Văn T1, sinh năm 1970 (chết).

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1944;  
Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981 (có mặt);  
Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị C ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T1 theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị V, sinh năm 1970 (có mặt);  
Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
2. Nguyễn Thị M, sinh năm 1994 (có mặt);  
Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1985 (vắng mặt);
2. Dương Văn P, sinh năm 1978 (có mặt);  
Cùng cư trú: Khóm X, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.
3. Bùi Minh C1, sinh năm 1982 (có mặt);  
Nơi cư trú: Ấp A, xã A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.
4. Nguyễn Bé B, sinh năm 1984 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Vương Văn T1 và Trần Văn T cùng làm thuê cho tiệm sửa xe của anh Dương Văn P, tại khóm X, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 17/4/2020, ông Vương Văn T1, Trần Văn T và các anh Dương Văn P, Bùi Minh C1, Nguyễn Bé B uống rượu tại tiệm sửa xe của anh P. Do trước đó khi làm việc chung, ông T1 có những lời nói lớn tiếng với anh em trong tiệm nên T không thích. Trong lúc uống rượu thì giữa T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn cự cãi với nhau nên được mọi người can ngăn. T được anh P và C1 đưa ra băng ghế đá phía trước cửa tiệm ngồi để nói chuyện giải hòa với T1, nói xong anh P và C1 tiếp tục đi vào bàn nhậu nói chuyện với T1. Sau khi nói chuyện xong, anh P kêu T đi vào để nói chuyện giải hòa với T1. Theo T khai, khi đi vào T nhìn thấy trong giỏ sách nhựa màu xanh của anh P để gần nơi T ngồi có 01 cây kéo bằng kim loại, dài khoảng 17cm, có hai lưỡi màu trắng, mũi nhọn, cán hai gọng kiềng có bao lớp nhựa màu đỏ của anh P dùng để cắt thuốc uống hàng ngày nên T lấy cây kéo cầm trong lòng bàn tay phải đem vào để phòng thân. Khi đi vào bàn nhậu, T và ông T1 đứng đối diện với nhau, anh P kêu ông T bắt tay với T để giải hòa nhưng ông T1 không bắt tay mà có những lời lẽ thô tục chửi T nên T cũng có những lời lẽ thô tục lại. Ông T1 dùng hai tay chụp lấy bếp gas mini có kích thước dài 33cm, rộng 27cm, trên bếp gas có nồi lẩu thì được anh P kịp thời chụp lấy nồi lẩu đem để nơi khác. T1 tiếp tục dùng bếp gas đánh từ trên xuống, T dùng tay trái đỡ nên không gây thương tích; T lập tức dùng tay phải đang cầm kéo đâm thẳng vào vùng ngực của T1 một cái thì bị T1 câu vật đè nằm lên ghế đá, người T nằm nghiêng còn T1 cũng nằm hơi nghiêng người đối mặt với T. T tiếp tục dùng tay phải đang cầm kéo đưa vòng ra phía sau đâm vào vùng lưng và cổ của T1 nhiều cái. Lúc này, anh C1 nhìn thấy T dùng kéo đâm vào vùng lưng của T1 nên dùng tay gỡ cây kéo ra để sang một bên, T nói “Mày đánh tao thì cũng dính mấy cục”, lúc này những người nhậu chung mới biết T đâm T1. Sau đó, anh C1 và anh B đưa ông T1 đến Bệnh viện Quốc tế thị xã H cấp cứu, do vết thương nặng được chuyển đến

Bệnh viện R tại thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều trị, đến ngày 19/4/2020 thì ông T1 tử vong. T ngồi tại chỗ chờ Công an đến làm việc, T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hồng Ngự đã ra Quyết định ủy thác cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám nghiệm tử thi để xác định nguyên nhân chết của ông Vương Văn T1.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 730-20/KLGD-PY ngày 29/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh thể hiện:

- Tử thi đã được mổ cấp cứu.
- Vùng ngực và bụng: Dọc giữa bụng dọc đường trắng giữa trên và dưới rốn có đường mổ và khâu dài 23cm, trên đường mổ cách dưới mũi ức 05cm có vết đứt da ngang ở bờ phải dài 01cm; bờ trái dài 0,8cm. Vùng bụng phải có 02 vết mổ dẫn lưu có 01 mũi chỉ khâu.
- Vùng gáy hơi lệch trái có 02 vết thủng rách da cách nhau 01cm; vết bên trái kích thước 0,4cm x 0,2cm, vết bên phải kích thước 0,2cm x 0,1cm.
- Ngang đốt sống ngực 4 hơi lệch trái có 02 vết thủng rách da cách nhau 1,3cm, vết bên trái được khâu bằng 02 mũi chỉ liền, cắt bỏ chỉ có kích thước 0,8 x 0,2cm; vết bên phải kích thước 0,6cm x 0,2cm.
- Ngang đốt sống ngực 7 hơi lệch trái có 02 vết thủng rách da cách nhau 01cm; vết bên trái kích thước 0,5cm x 0,3cm; vết bên phải kích thước 0,2cm x 0,1cm.
- Xây xát da và bầm tụ máu thất lưng trái, kích thước 05cm x 2,5cm, trên nền có xây xát da đường kính 0,2cm.
- Vùng lưng phải dưới xương bả vai phải có 02 vết thủng rách da nông cách nhau 05cm, vết bên trái đường kính 0,1cm; vết bên phải kích thước 0,7cm x 0,2cm.
- Các vết thương thủng rách da nói trên có bờ mép sắc gọn dạng hình khe hay hình bầu dục.
- Bên trong tụ máu mặt sau xương ức và cơ liên sườn ngang xương sườn 6 xuống bờ sườn. Đứt dọc mũi ức hơi lệch trái dài 1,2cm.
- Gan trái được cắt bỏ cấp cứu gần hoàn toàn (cách rãnh liên thùy 02cm). Tĩnh mạch cửa ngoài gan được khâu cầm máu. Động mạch gan chung không tổn thương. Ống mật túi mật không tổn thương.
- Các tạng khác không tổn thương.
- Khoang ngực hai bên có khoảng 1200ml dịch màu hồng nhạt. Xoang màng tim có khoảng 40ml, dịch màu hồng nhạt.
- Các vết thương còn lại ở vùng gáy và lưng hai bên chỉ gây tổn thương da và tổ chức dưới da.

**Kết luận nguyên nhân chết:** Vương Văn T1 chết do sốc mất máu không hồi phục do vết thương gan và tĩnh mạch cửa.

Hiện trường xảy ra vụ án là tại cửa hàng chuyên sửa ô tô Garage “H” thuộc khóm X, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp. Qua khám nghiệm, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) cây kéo bằng kim loại, dài khoảng 17cm, có hai lưỡi màu trắng, mũi nhọn, cán hai gọng kiềm có bao lớp nhựa màu đỏ và 01 (một) bếp gas mini bằng nhôm có kích thước dài 33cm, rộng 27cm.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị hại yêu cầu Trần Văn T bồi thường số tiền mai táng phí tổng cộng 85.327.000 đồng; tiền viện phí là 90.546.690 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần 200.000.000 đồng. Trần Văn T đồng ý bồi thường số tiền mai táng phí và tiền viện phí, còn tiền bồi thường tổn thất tinh thần T đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật. Gia đình của T đã bồi thường được 30.000.000 đồng tiền mai táng phí.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKSĐT-P2 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức hình phạt tù từ 08 năm đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Toàn đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía người đại diện hợp pháp cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Tòa tuyên như phần nội dung quyết định bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Trần Văn T không phát biểu ý kiến tranh luận chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại không có ý kiến tranh luận.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khẳng định hành vi được mô tả trong bản cáo trạng số 17/CT-VKSĐT-P2 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xuất phát từ việc ông T1 có

những lời lẽ thô tục đối với T dẫn đến hai bên cãi nhau, rồi ông T1 dùng bếp gas mini bằng nhôm đánh T nên T dùng kéo chuẩn bị sẵn đâm vào vùng ngực và vùng lưng của ông T1 nhiều cái dẫn đến ông T1 tử vong.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 123 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a). . .

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”.

[3] Bị cáo Trần Văn T là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Đáng lý ra, trước sự việc như vậy, bị cáo phải bình tĩnh, kiềm chế bản thân để tìm cách giải quyết mâu thuẫn một cách đúng đắn. Còn nếu sự việc có trầm trọng hơn mà các bên không thể giải quyết được thì báo chính quyền địa phương để giải quyết sự việc, như vậy sẽ không xảy ra sự việc đáng tiếc. Bị cáo không làm được điều này mà lại chọn cách giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực nên đã thực hiện hành vi dùng cây kéo sắc nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng ngực và vùng lưng của bị hại làm bị hại sốc mất máu không hồi phục do vết thương gan và tĩnh mạch cửa dẫn đến tử vong. Bị cáo thừa biết tính mạng, sức khỏe con người luôn được pháp luật bảo vệ. Nếu người nào có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe con người đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Vậy mà bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội và đã tước đoạt mạng sống của người bị hại một cách trái pháp luật. Chứng tỏ hành vi của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại một cách trái pháp luật, cố ý tước đoạt mạng sống của người bị hại, gây ra hậu quả rất lớn làm cho gia đình người bị hại mất đi người thân không sao tìm lại được. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến kỷ cương pháp luật Nhà Nước. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử là việc làm cần thiết. Đối với bị cáo cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo, nhằm phục vụ tình hình chính trị ở địa phương, giữ gìn kỷ cương pháp luật Nhà Nước đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho phía người bị hại. Bị cáo phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của

nạn nhân gây ra (bị hại sử dụng bếp gas mini bằng nhôm tản công bị cáo trước). Gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha ruột của bị cáo tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt.

[6] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị T2 yêu cầu Trần Văn T bồi thường số tiền mai táng phí tổng cộng 85.327.000 đồng; tiền viện phí là 90.546.690 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần là 200.000.000 đồng. Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền mai táng phí và tiền viện phí, còn tiền bồi thường tổn thất tinh thần T đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật. Gia đình của T đã bồi thường được 30.000.000 đồng tiền mai táng phí. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo T bồi thường chi phí mai táng 85.327.000 đồng, tiền viện phí 90.546.690 đồng và tổn thất tinh thần theo quy định của pháp luật (tương đương 100 tháng lương cơ sở, bằng số tiền 149.000.000 đồng); Tổng cộng các khoản là 324.873.690 đồng, trừ 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 294.873.690 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền còn lại nêu trên theo yêu cầu của phía người đại diện hợp pháp cho bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 cây kéo bằng kim loại, dài 17cm, có hai lưỡi màu trắng, mũi nhọn, cán hai gọng kiềm có bao lớp nhựa màu đỏ là công cụ phạm tội và 01 bếp gas mini có kích thước dài 33cm, rộng 27cm là tài sản của anh Dương Văn P nhưng anh Phước không nhận lại và tài sản này không còn giá trị sử dụng. Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Giết người”;

Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357; Điều 468; Điều 586; Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Văn T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị T2 chi phí mai táng là 85.327.000 đồng, tiền viện phí là 90.546.690 đồng và tổn thất tinh thần là 149.000.000 đồng; Tổng cộng các khoản là

324.873.690 đồng, nhưng trừ 30.000.000 đồng bồi thường trước, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 294.873.690 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kéo bằng kim loại dài 17cm, có hai lưỡi cắt màu trắng, cán hai gọng kiềm có bao lớp nhựa màu đỏ, đã qua sử dụng và 01 bếp ga mini bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng, có kích thước dài 33cm, rộng 27cm.

(Các vật chứng nêu trên hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.743.500 đồng (tính số tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV-THATA tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng nghiệp vụ hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (để biết);
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA, (Nhật Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lê Khắc Thịnh**